

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thế Duy

Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 312/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2021 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn K, sinh năm 1993; thường trú: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: Số N, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị B, sinh năm 1994; thường trú: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: I, khu phố Bình Đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Khóm L, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2021; bản tự khai ngày 12/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Dương Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị Lê Thị B tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/10/2015. Sau khi kết hôn, anh K và chị B sinh sống tại Thành phố C, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung, nhưng đến khoảng đầu năm

2020 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không hiểu nhau, luôn bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, do đó anh K khởi kiện ly hôn chị B.

Về con chung: Anh K và chị B có 02 con chung tên Dương Thị Bích T, sinh ngày 31/5/2016 và Dương Thị Kiều H, sinh ngày 06/7/2019. Khi ly hôn anh K đồng ý để chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Thị Bích T và Dương Thị Kiều H. Anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cùng ngày 18/11/2021, bị đơn chị Lê Thị B trình bày:

Chị B thống nhất với lời trình bày của anh K về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị B đồng ý ly hôn anh K. Về con chung: Khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Dương Thị Bích T, sinh ngày 31/5/2016 và Dương Thị Kiều H, sinh ngày 06/7/2019. Chị B đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con của anh K là 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh K và chị B có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh K và chị B theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hôn nhân giữa anh K và chị B là phù hợp pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, anh K và chị B thống nhất ly hôn và nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh K.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Dương Văn K khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với chị Lê Thị B. Chị B tạm trú tại I, khu phố Bình Đường A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh K và chị B có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh K và chị B theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn K và chị Lê Thị B tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/10/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung nhưng sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nhận thấy, hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K có đơn khởi kiện ly hôn chị B. Quá trình giải quyết vụ án, chị B cũng thống nhất với lời trình bày của anh K về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung. Trước yêu cầu ly hôn của anh K, thì chị B đồng ý ly hôn. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh K là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh K và chị B cùng xác định có 02 con chung tên Dương Thị Bích T, sinh ngày 31/5/2016 và Dương Thị Kiều H, sinh ngày 06/7/2019. Quá trình giải quyết vụ án, anh K và chị B thống nhất giao 02 con chung cho chị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh K về việc cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng/01 cháu cho đến khi cháu Dương Thị Bích T và cháu Dương Thị Kiều H đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn K đối với chị Lê Thị B về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn K được ly hôn chị Lê Thị B.

- Về con chung: Chị Lê Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Thị Bích T, sinh ngày 31/5/2016 và Dương Thị Kiều H, sinh ngày 06/7/2019. Anh Dương Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Dương Văn K lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị B

có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh K về việc cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng/01 cháu cho đến khi cháu Dương Thị Bích T và cháu Dương Thị Kiều H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Dương Văn K và chị Lê Thị B không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Dương Văn K phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003095, ngày 05/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Văn K phải chịu 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Dương Văn K và chị Lê Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thế Duy

Nguyễn Thị Thu Vân

Đào Thị Thu Vân

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân

